

hoạt động quảng cáo và mức phạt thực hiện theo quy định tại Nghị định số 88/CP ngày 14/12/1995 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong các hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa và phòng chống một số tệ nạn xã hội và những quy định của pháp luật hiện hành.

2. Tổ chức, cá nhân bị xử phạt phải chấp hành quyết định xử phạt và có quyền gửi đơn khiếu nại đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật khiếu nại, tố cáo.

3. Tổ chức, cá nhân quyết định xử phạt sai gây thiệt hại về vật chất cho người làm quảng cáo phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

### Chương VI

### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 20.** Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Những văn bản sau đây không còn hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực:

- Thông tư số 37/VHTT-TT ngày 01/7/1995 của Bộ Văn hóa - Thông tin hướng dẫn thực hiện Nghị định số 194/CP.

- Thông tư số 07/1998/TT-BVHTT ngày 05/12/1998 của Bộ Văn hóa - Thông tin sửa đổi, bổ sung Điều 5 Thông tư số 37/VHTT-TT.

- Công văn của Bộ Văn hóa - Thông tin số 82/BC ngày 09/1/1997.

- Công văn của Bộ Văn hóa - Thông tin số 3176/BC ngày 29/9/1997.

Các quy định khác do Bộ Văn hóa - Thông tin ban hành trước đây trái với các quy định tại Thông tư này đều bãi bỏ.

**Điều 21.** Kèm theo Thông tư này là phụ lục gồm các biểu mẫu từ số 1 đến số 3 (\*).

Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin

NGUYỄN KHOA ĐIỂM

### BỘ Y TẾ

## **QUYẾT ĐỊNH số 1529/1999/QĐ-BYT** **ngày 25/5/1999 về việc ban hành bản** **Quy định chức năng, nhiệm vụ và** **tổ chức bộ máy của Bệnh viện Y** **học cổ truyền thuộc Sở Y tế tỉnh,** **thành phố trực thuộc Trung ương.**

### BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

*Căn cứ Nghị định số 68/CP ngày 11/10/1993 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Y tế;*

*Căn cứ vào Thông tư liên tịch số 02/1998/TTLT-BYT-BTCCBCP ngày 27/6/1998 của liên Bộ Y tế - Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 01/1998/NĐ-CP ngày 03/1/1998 của Chính phủ về hệ thống tổ chức y tế địa phương;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Y học cổ truyền - Bộ Y tế,*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy định chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Bệnh viện Y học cổ truyền thuộc Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký ban hành, các quy định trước đây trái với quy định trong Quyết định này đều bãi bỏ.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Y học cổ truyền - Bộ Y tế, Giám đốc Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Bộ trưởng Bộ Y tế

ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG

(\*) Không in các biểu mẫu.



# **QUY ĐỊNH chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Bệnh viện Y học cổ truyền thuộc Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

(ban hành kèm theo Quyết định số 1529/1999/QĐ-BYT ngày 25 tháng 5 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Y tế).

## **I. VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG**

Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh) là đơn vị sự nghiệp y tế, trực thuộc Sở Y tế, là tuyến khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền cao nhất của địa phương.

Bệnh viện Y học cổ truyền có tư cách pháp nhân, có trụ sở, có con dấu và được mở tài khoản tại kho bạc nhà nước.

## **II. NHIỆM VỤ**

**1. Khám chữa bệnh:** Tổ chức khám chữa bệnh nội trú, ngoại trú (khuyến khích khám chữa bệnh ngoại trú), thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu bằng các phương pháp y học cổ truyền hoặc kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại

### **2. Kế thừa và nghiên cứu khoa học:**

2.1. Nghiên cứu, xác minh, đánh giá và kế thừa các bài thuốc cổ truyền, các cây, con làm thuốc, các phương pháp chữa bệnh bằng y học cổ truyền, góp phần làm phong phú và phát triển nền y học cổ truyền Việt Nam.

2.2. Nghiên cứu kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại, xây dựng nền y học Việt Nam theo nguyên tắc: Khoa học, Dân tộc và Đại chúng.

### **3. Đào tạo cán bộ:**

3.1. Bệnh viện Y học cổ truyền là cơ sở thực hành cho các trường đại học, trung học Y, Dược và Y học cổ truyền.

3.2. Tổ chức bồi dưỡng và đào tạo về y học cổ truyền cho cán bộ, công chức làm công tác y học cổ truyền và các cán bộ y tế khác.

## **4. Chỉ đạo tuyến:**

4.1. Lập kế hoạch và chỉ đạo tuyến về chuyên môn kỹ thuật y học cổ truyền.

4.2. Có vườn thuốc nam mẫu tại Bệnh viện. Thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu bằng y học cổ truyền tại cộng đồng.

**5. Phòng chống dịch:** Dưới sự chỉ đạo của Sở Y tế, phối hợp với các cơ sở y tế dự phòng và các trung tâm y tế tuyến huyện để phòng chống dịch bệnh bằng phương pháp y học cổ truyền hoặc kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại khi có dịch bệnh xảy ra trên địa bàn.

**6. Tham gia công tác tuyên truyền giáo dục sức khỏe cho cộng đồng.**

**7. Tổ chức bào chế thuốc饮片 và một số dạng thuốc cổ truyền thông dụng (cao, đơn, hoàn, tán, rượu,...) dùng trong Bệnh viện.**

**8. Quản lý kinh tế y tế:** Quản lý và sử dụng có hiệu quả ngân sách nhà nước cấp và các nguồn kinh phí khác. Thực hiện thanh quyết toán đúng theo quy định của pháp luật.

**9. Hợp tác quốc tế:** Tham gia các chương trình hợp tác quốc tế về y học cổ truyền với các tổ chức và cá nhân nước ngoài theo quy định của Nhà nước.

## **III. TỔ CHỨC BỘ MÁY**

### **1. Tổ chức:**

a) Lãnh đạo Bệnh viện; Giám đốc và 1-2 Phó Giám đốc giúp việc. Giám đốc là bác sĩ chuyên khoa y học cổ truyền hoặc bác sĩ đã được bổ túc về y học cổ truyền.

b) Các phòng chức năng:

Bệnh viện dưới 200 giường nội trú:

- Phòng Kế hoạch tổng hợp - Y tá (điều dưỡng),
- Phòng Hành chính - Tổ chức,
- Phòng Tài chính - Kế toán.



Bệnh viện trên 200 giường nội trú:

- Phòng Kế hoạch tổng hợp,
- Phòng Y tá (điều dưỡng),
- Phòng Hành chính - Tổ chức,
- Phòng Tài chính - Kế toán.

c) Các khoa: Tùy theo số lượng giường bệnh mà bố trí các khoa như sau:

- Khoa Khám bệnh (bao gồm cả bộ phận điều trị ngoại trú),
- Khoa Nội,
- Khoa Ngoại (bao gồm cả bộ phận hấp sấy, tiết khuẩn tập trung của Bệnh viện),
- Khoa Phụ,
- Khoa Nhi,
- Khoa Châm cứu (bao gồm cả Châm cứu, Dưỡng sinh, Phục hồi chức năng),
- Khoa Ngủ quan,
- Khoa Cận lâm sàng (bao gồm Xét nghiệm, Chẩn đoán hình ảnh...),
- Khoa Dược (bao gồm cả quầy thuốc cổ truyền),
- Khoa Dinh dưỡng.

d) Chức năng, nhiệm vụ của các khoa, phòng: Thực hiện theo "Quy chế Bệnh viện" ban hành kèm theo Quyết định số 1895/BYT-QĐ ngày 19/9/1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

e) Trang thiết bị, xét nghiệm và kỹ thuật, thủ thuật: Từng bước đầu tư trang thiết bị, triển khai các xét nghiệm và kỹ thuật, thủ thuật cơ bản theo danh mục phụ lục 1, 2, 3 đính kèm.

**2. Định mức lao động:** Theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

#### IV. KINH PHÍ

1. Kinh phí sự nghiệp y tế.
2. Viện phí, Bảo hiểm y tế.
3. Các chương trình y tế quốc gia có mục tiêu.
4. Các nguồn kinh phí khác.

#### V. MỐI QUAN HỆ

1. Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh chịu sự quản lý và chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh chịu sự quản lý và chỉ đạo về chuyên môn kỹ thuật của Bộ Y tế (các Vụ chức năng và các Viện đầu ngành y học cổ truyền).

3. Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh có mối quan hệ phối hợp với Hội y học cổ truyền, Hội Châm cứu tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong công tác kế thừa và chăm sóc sức khỏe ban đầu bằng y học cổ truyền tại cộng đồng.

4. Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh có mối quan hệ phối hợp với các đơn vị trực thuộc Sở Y tế.

5. Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh có trách nhiệm quản lý và chỉ đạo về chuyên môn kỹ thuật y học cổ truyền đối với các cơ sở y học cổ truyền trên địa bàn (Khoa y học cổ truyền trong các Bệnh viện đa khoa, Khoa hoặc bộ phận y học cổ truyền tại Trung tâm y tế huyện, các Phòng khám đa khoa khu vực và Trạm y tế cơ sở)./.

Bộ trưởng Bộ Y tế

**ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG**

#### Phụ lục 1

#### DANH MỤC XÉT NGHIỆM CƠ BẢN TẠI BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN TỈNH

A. Kỹ thuật xét nghiệm huyết học cơ bản:

1. Số lượng hồng cầu.
2. Số lượng bạch cầu.
3. Công thức bạch cầu.
4. Tỷ lệ huyết sắc tố.
5. Thời gian máu chảy.
6. Thời gian máu đông.
7. Thể tích khối hồng cầu.
8. Tốc độ máu lắng.
9. Tế bào trong dịch sinh vật.
10. Huyết đồ.

**B. Kỹ thuật xét nghiệm hóa sinh cơ bản:**

1. Phản ứng Rivanta.
2. Dịch vị.
3. Bilirubin nước tiểu.
4. Urobilinogen nước tiểu.
5. Đường nước tiểu.
6. Hồng cầu trong nước tiểu.
7. Cholesterolon máu toàn phần.
8. Protein máu toàn phần.
9. Ure máu.
10. Đường máu.

**C. Kỹ thuật xét nghiệm vi sinh cơ bản:**

1. Ký sinh trùng đường ruột.
2. Nhuộm soi tìm vi khuẩn.
3. Ký sinh trùng sốt rét.
4. Soi tươi tìm nấm.

\* Ngoài ra, tùy vào từng bước phát triển, bệnh viện nào có điều kiện thì bổ sung thêm các xét nghiệm với kỹ thuật cao hơn cho phù hợp, không hạn chế ở danh mục này.

**Phụ lục 2****DANH MỤC KỸ THUẬT, THỦ THUẬT CƠ BẢN TẠI BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN TỈNH**

1. Kỹ thuật Châm.
2. Kỹ thuật Cúu.
3. Thủy châm.
4. Điện châm.
5. Nhĩ châm.
6. Châm tê trong phẫu thuật và các thủ thuật khác.
7. Laser châm.
8. Giác.
9. Xông hơi, xông khói thuốc cổ truyền phòng bệnh, chữa bệnh.
10. Điều trị trĩ hậu môn (Trĩ hạ).
11. Đắp, bó, bôi, dán thuốc, tắm hoặc ngâm nước thuốc cổ truyền để phòng và chữa bệnh.

**12. Xoa bóp, bấm huyệt.****13. Tập luyện dưỡng sinh.**

14. Nắn bó gãy xương kín chi bằng phương pháp y học cổ truyền.

**Phụ lục 3****DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ CHUYÊN MÔN CƠ BẢN TẠI BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN TỈNH**

1. Máy điện châm.
2. Máy xoa bóp.
3. Máy chẩn mạch.
4. Máy cân bằng âm dương.
5. Máy dò huyết.
6. Máy Laser châm.
7. Thiết bị xông hơi, xông khói, tắm, ngâm nước thuốc cổ truyền.
8. Ống giác.
9. Máy siêu âm.
10. Máy điện tim.
11. Máy X Quang.
12. Kính hiển vi điện, 2 thị kính.
13. Máy đếm tế bào huyết học.
14. Máy sinh hóa máu.
15. Máy sinh hóa nước tiểu.
16. Máy thái dược liệu.
17. Máy tán dược liệu.
18. Máy bào dược liệu.
19. Máy sao dược liệu.
20. Máy trộn dược liệu.
21. Máy bao viên.
22. Máy sát cốm.
23. Máy làm viên hoàn mền (quét tể).
24. Hệ thống sắc thuốc thang.
25. Dụng cụ nấu cao.
26. Tủ sấy dược liệu.



\* Ngoài ra, tùy vào từng bước phát triển, bệnh viện nào có điều kiện thì bổ sung thêm các trang thiết bị cho phù hợp, không hạn chế ở danh mục này./.

## NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

### **QUYẾT ĐỊNH số 189/1999/QĐ-NHNN1 ngày 29/5/1999 về quy định trần lãi suất cho vay bằng Đồng Việt Nam của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng.**

#### THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Luật các tổ chức tín dụng ngày 12 tháng 12 năm 1997;*

*Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 03/2/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ Ngân hàng Nhà nước,*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định trần lãi suất cho vay bằng Đồng Việt Nam của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng như sau:

1. Trần lãi suất cho vay 1,15%/tháng (bao gồm cả phí) áp dụng chung cho các tổ chức tín dụng cho vay vốn đối với khách hàng trên địa bàn thành thị và nông thôn; riêng trần lãi suất cho vay của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở và Hợp tác xã tín dụng cho vay thành viên giữ nguyên 1,5%/tháng;

2. Lãi suất cho vay thuộc khu vực 3 miền núi (khu vực 3 miền núi theo quy định tại Quyết định số 42/UB-QĐ ngày 23/5/1997 về công nhận danh mục 3 khu vực miền núi và vùng cao của Ủy ban Dân tộc và Miền núi), hải đảo, vùng đồng bào

Khơ me tập trung giảm 30% so với lãi suất cho vay cùng loại;

3. Các mức lãi suất cho vay ưu đãi tiếp tục thực hiện theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

4. Lãi suất nợ quá hạn được thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng tín dụng giữa bên cho vay và bên đi vay, nhưng tối đa không quá 150% mức lãi suất cho vay trong hạn cùng loại;

5. Các tổ chức tín dụng căn cứ vào trần lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều này để ấn định các mức lãi suất tiền gửi và lãi suất cho vay cụ thể phù hợp với điều kiện hoạt động của các vùng khác nhau, với tình hình cung cầu vốn từng thời kỳ và tính chất rủi ro của từng khoản vay, thời hạn dài lãi suất cao hơn thời hạn ngắn.

**Điều 2.** Trần lãi suất quy định tại Điều 1 Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 1999.

Số dư nợ đã cho vay và các hợp đồng tín dụng chưa giải ngân đến hết ngày 31 tháng 5 năm 1999 chuyển sang được tiếp tục thực hiện theo mức lãi suất đã thỏa thuận trên hợp đồng.

Các mức trần lãi suất cho vay bằng Đồng Việt Nam quy định tại Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 39/1998/QĐ-NHNN1 ngày 17/1/1998, Chỉ thị số 01/1999/CT-NHNN1 ngày 29/1/1999 và Công văn số 422/CV-NHNN1 ngày 15/5/1998 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định trần lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn trên địa bàn 2 tỉnh Cần Thơ và An Giang hết hiệu lực thi hành.

**Điều 3.** Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Trung ương, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố; Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng và khách hàng của các tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước  
Phó Thống đốc

LÊ ĐỨC THÚY